

PHỤ LỤC IV
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM
2018

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015
của Chính phủ)*

CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP & DV CHỨC A
MST: 3000106650

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số *102* /KH-CHUCA

Chúc A, ngày 12 tháng 6 năm 2019

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM TRƯỚC

Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm trước:

Sau khi sắp xếp theo Nghị định 118/NĐ-CP của Chính phủ thì đơn vị chủ yếu thực hiện nhiệm vụ công ích, bảo vệ và phát triển rừng trên toàn bộ diện tích 15.124,3ha được giao. Việc sản xuất kinh doanh chưa thực hiện được nên các chỉ tiêu về Doanh thu, lợi nhuận không đạt so với kế hoạch. Bảo toàn vốn nhà nước, nộp ngân sách đầy đủ, đảm bảo các chế độ cho người lao động.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính: Công ty thực hiện nhiệm vụ chủ yếu là bảo vệ và phát triển rừng theo kế hoạch nhà nước giao, bảo vệ 15.124,3ha rừng.

- Kế hoạch và kết quả sản xuất kinh doanh cả năm: Công ty chủ yếu thực hiện nhiệm vụ công ích, bảo vệ và phát triển rừng trên toàn bộ diện tích 15.124,3 ha được giao. Việc sản xuất kinh doanh chưa thực hiện được nên các chỉ tiêu về Doanh thu, lợi nhuận không đạt so với kế hoạch. Bảo toàn vốn nhà nước, nộp ngân sách đầy đủ, đảm bảo các chế độ cho người lao động.

.- Kế hoạch phát triển thị trường và sản phẩm

2. Kế hoạch đầu tư phát triển

- Kế hoạch đầu tư các dự án cả năm: Hoàn thành dự án phát triển rừng bền vững năm 2018

- Kết quả đầu tư cả năm (dự kiến): 3.800.000.000đ

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Các giải pháp thực hiện

1. Giải pháp về tài chính: Nguồn vốn chủ yếu theo ngân sách nhà nước giao.

2. Giải pháp về sản xuất.
3. Giải pháp về marketing.
4. Giải pháp về nguồn nhân lực.

- Xây dựng phương án sử dụng lao động phù hợp, rà soát sắp xếp lại các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc, thực hiện chính sách, chế độ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đối với cán bộ, công nhân và người lao động;

- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý, nâng cao tay nghề cho người lao động nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sau sắp xếp chuyển đổi. Thực hiện cơ chế giao khoán phù hợp nhằm gắn trách nhiệm của người lao động nhận khoán góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực hiện có, đào tạo mới, đào tạo lại và tuyển dụng lại nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Công ty; Xây dựng quy chế trả lương, phụ cấp ưu đãi đảm bảo thu hút lao động đã qua đào tạo đến làm việc tại Công ty. Có chính sách đào tạo đội ngũ kế cận, thu hút giữ chân người tài phục vụ cho mục đích phát triển Công ty.

- Ngoài ra chú trọng sử dụng lao động hợp đồng thời vụ của địa phương trực tiếp tham gia vào sản xuất, chăn nuôi, trồng rừng, vườn ươm, khoán hộ bảo vệ rừng.....


5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật.
6. Giải pháp về quản lý và điều hành.
7. Giải pháp khác.

BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2019

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu		
	- Sản lượng 1	Ha	15.124,3
	- Sản lượng 2		
		
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có)	Tỷ đồng	3,800
3	Doanh thu	Tỷ đồng	0,500
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,050
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	0,100
6	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	
7	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1.000 USD	
8	Các chỉ tiêu khác		

Trên đây là kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2018 của doanh nghiệp. Kính trình UBND tỉnh Hà Tĩnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, giúp đỡ để doanh nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC, VT. 



Dương Văn Thắng

PHỤ LỤC V
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT
KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015
của Chính phủ)

CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP & DV CHỨC A
MST: 3000106650

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 103 /BC-CHUCA

Chúc A, ngày 10 tháng 6 năm 2019

Năm báo cáo: Năm 2018

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước: Trong năm 2015, 2016, 2017, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực bảo vệ rừng, thực hiện nhiệm vụ công ích nên doanh thu, lợi nhuận trước thuế, nộp ngân sách không đạt nhưng bảo toàn được vốn nhà nước, nộp ngân sách đầy đủ, đảm bảo được các chế độ, quyền lợi cho người lao động.

b) Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước: Công ty thực hiện các dự án đầu tư phát triển rừng đúng tiến độ, hàng năm được Sở nông nghiệp và PTNT nghiệm thu hoàn thành.

c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới,...): Trong năm 2015, 2016, 2017 Công ty không có sự thay đổi lớn, nhiệm vụ chủ yếu vẫn là bảo vệ rừng.

d) Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: Công ty đóng trên địa bàn điều kiện khó khăn, vùng sâu vùng xa, không có lợi thế để phát triển thương mại, nguồn vốn sản xuất kinh doanh thiếu.

đ) Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu,...).

BIỂU SỐ 1

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA
DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Ước thực hiện năm 2019
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất					

a)	Gỗ(cây đứng)	M3				
b)						
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	0,031	0,086	0,518	0,500
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,015	0,020	0,020	0,050
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	0,017	0,026	0,020	0,100
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD				
6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)	Tỷ đồng	2,873	4,133	3,695	4,000
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng				
a)	- Nguồn ngân sách	“	2,873	4,133	3,695	4,000
b)	- Vốn vay	“		0,300		
c)	- Vốn khác	“				
8	Tổng lao động	Người	36	35	35	35
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	1,964	1,758	1,653	1,750
a)	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	0,517	0,330	0,331	0,350
b)	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	1,447	1,428	1,322	1,400

Trên đây là báo cáo về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh hàng năm và 03 năm gần nhất. Kính trình UBND tỉnh Hà Tĩnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, giúp đỡ để doanh nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu TC, VT: *vt*



Dương Văn Thắng

PHỤ LỤC VI
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH VÀ TRÁCH
NHIỆM XÃ HỘI (NẾU CÓ) NĂM 2018
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015
của Chính phủ)

CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP & DV CHỨC A
MST: 3000106650

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 184 /BC-CHUCA

Chúc A, ngày 17 tháng 6 năm 2019

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

BIỂU MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước	
1	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm	15.124,3ha	15.124,3ha	100%	100%	
2	Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu	(Tấn, kg)	(Tấn, kg) % %	
3	Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu	<i>(Thống kê số lượng các ý kiến phản hồi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích của doanh nghiệp)</i>				
4	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	3,695 tr.đ	3,695 tr.đ	100 %	100 %	
5	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	3,695 tr.đ	3,695 tr.đ	100 %	100 %	

II. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường. Công ty thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng, cung ứng dịch vụ môi trường rừng, bảo vệ môi trường.

2. Trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng xã hội. Tạo điều kiện cho nhân dân trên địa bàn phát triển kinh tế trồng rừng, giao khoán rừng và đất lâm nghiệp,

tạo việc làm cho người lao động. Nhằm tạo mối quan tốt giữa Công ty và nhân dân, cùng nhau phối hợp, hỗ trợ để bảo vệ và phát triển rừng.

3. Thực hiện tốt trách nhiệm với nhà cung cấp.

4. Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng.

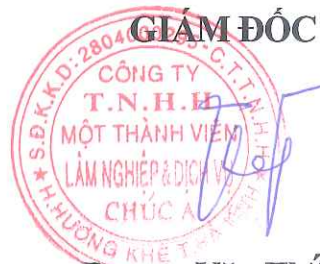
5. Quan hệ tốt với người lao động. Hàng năm ký Thỏa ước lao động tập thể, bảo đảm quyền lợi, chế độ đầy đủ cho người lao động: Lương, thưởng, đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN, chế độ ốm đau, thai sản...

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích năm 2018. Kính trình UBND tỉnh Hà Tĩnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, giúp đỡ để doanh nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu TC, VT. 



Dương Văn Thắng

PHỤ LỤC X
BÁO CÁO CHẾ ĐỘ, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP
*(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015
của Chính phủ)*

**CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP & DV CHÚC A**
MST: 3000106650

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 105 /BC-CHUCA

Chúc A, ngày 10 tháng 7 năm 2019

1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp

a) Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao của doanh nghiệp

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng đối với người lao động: Trả lương theo thời gian và lương khoán.

+) Lương theo thời gian: Căn cứ vào bảng chấm công hàng tháng, mức độ hoàn thành công việc và hệ số lương theo quy chế trả lương hiện hành của Công ty.

+) Lương khoán: Căn cứ khối lượng sản phẩm hoàn thành, có biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc.

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp: Được tính theo Nghị định 51/NĐ-CP ngày 15/5/2013 của Chính phủ.

b) Quỹ tiền lương kế hoạch

- Quỹ tiền lương kế hoạch của lao động: Căn cứ kế hoạch của nhà nước giao, Công ty xây dựng dự toán quỹ tiền lương chi trả cho người lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý doanh nghiệp: Căn cứ theo Nghị định 51/NĐ-CP để chi trả.

c) Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao của doanh nghiệp

- Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động: Hàng năm trả hết tiền lương cho người lao động theo quy chế trả lương của Công ty, nếu còn thừa thì trả thêm lần nữa và trích một khoản để chi thưởng cho người lao động.

- Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp: Căn cứ nguồn thu từ dịch vụ công hàng năm để xây dựng quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, tỷ lệ phân trăm được hưởng.

2. Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của doanh nghiệp

BIỂU BÁO CÁO QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2017

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2018		Năm 2019
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	HẠNG CÔNG TY ĐƯỢC XẾP		I	I	I
II	TIỀN LƯƠNG CỦA LAO ĐỘNG				
1	Lao động	Người	32	31	32
2	Mức tiền lương bình quân	1.000 đ/tháng	3,18	3.553	4.000
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	1.331	1.322	1.500
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Triệu đồng	97		100
5	Thu nhập bình quân	1.000 đ/tháng	3.718	3.553	4.000
III	TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP				
1	Số người quản lý doanh nghiệp	Người	3	3	3
2	Mức lương cơ bản bình quân	Triệu đồng/tháng	9,1	8,8	10
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	305	316	350
4	Mức tiền lương bình quân	Triệu đồng/tháng	9,1	8,8	10
5	Quỹ tiền thưởng		25		25
6	Tiền thưởng, thu nhập	Triệu đồng	25		25
7	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý	Triệu đồng/tháng	9,1	8,8	10

- Nhận xét, đánh giá về quỹ tiền lương, tiền thưởng: Công ty đang chủ yếu thực hiện nhiệm vụ công ích nên thu nhập còn thấp, quỹ tiền lương, tiền thưởng thấp.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích năm 2018. Kính trình UBND tỉnh Hà Tĩnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, giúp đỡ để doanh nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC, VT.



GIÁM ĐỐC
Đương Văn Thắng

PHỤ LỤC VIII

BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2018
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

**CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP & DV CHỨC A**
MST: 3000106650

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 106 /BC-CHUCA

Chức A, ngày 17 tháng 6 năm 2019

I. THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP

1. Hội đồng thành viên

BIỂU SỐ 1

THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh		Phân loại thành viên	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí đã nắm giữ	Công việc quản lý được giao
			Chức danh tại doanh nghiệp	Chức danh tại công ty khác (nếu có)					
I. HĐQT									
1	Dương Văn Thắng	1970	Giám đốc		Chủ tịch	Thạc sỹ lâm nghiệp	Làm việc từ năm 1988	- Phó phòng KHCĐSX - Trưởng phòng KHCĐSX	Chủ trì tổ chức các cuộc họp HĐQT; trực tiếp quản lý, chỉ đạo và chịu trách nhiệm điều hành các lĩnh vực về tổ

									chức nhân sự, quản lý kinh tế, kế hoạch, quốc phòng an ninh, là chủ tịch hội đồng thi đua khen thưởng công ty
2	Lương Văn Tuyền	1981	Phó Giám đốc	Thành viên	Kỹ sư	Làm việc từ năm 2004	- Trưởng phòng KHCĐSX	Chịu trách nhiệm trực tiếp điều hành, quản lý, chỉ đạo hoạt động của Công ty trên các lĩnh vực: Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; quản lý đất đai, lĩnh vực kỹ thuật trong hoạt động sản xuất kinh doanh và dự án; được giám đốc ủy quyền giải quyết công việc liên quan	
3	Võ Văn Tiến	1970	Kế toán trưởng	Thành viên	Kỹ sư	Làm việc từ năm 1996	- Phó phòng Kinh tế - Trưởng phòng Kinh tế	Chịu trách nhiệm về các hoạt động nghiệp vụ tài chính, kế toán, thông kê của Công ty theo Điều lệ tổ chức hoạt động, quy chế quản lý tài	

									chính, quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty. Thực hiện nhiệm vụ quản lý các hoạt động nghiệp vụ phát sinh về kinh tế, vốn, tài sản..
II. GD									
1	Dương Văn Thắng	1970	Giám đốc	Chủ tịch	Thạc sỹ lâm nghiệp	Làm việc từ năm 1988	- Trưởng phòng KHCĐSX	Chủ trì tổ chức các cuộc họp HĐQT; trực tiếp quản lý, chỉ đạo và chịu trách nhiệm điều hành các lĩnh vực về tổ chức nhân sự, quản lý kinh tế, kế hoạch, quốc phòng an ninh, là chủ tịch hội đồng thi đua khen thưởng công ty	
III. PGĐ									
1	Lương Văn Tuyên	1981	Phó Giám đốc	Thành viên	Kỹ sư	Làm việc từ năm 2004	- Trưởng phòng KHCĐSX	Chịu trách nhiệm trực tiếp điều hành, quản lý, chỉ đạo hoạt động của Công ty trên các lĩnh vực: Quản lý, bảo vệ	

											và phát triển rừng; quản lý đất đai, lĩnh vực kỹ thuật trong hoạt động sản xuất kinh doanh và dự án; được giám đốc ủy quyền giải quyết công việc liên quan	
IV. Kế toán trưởng												
1	Võ Văn Tiến	1970	Kế toán trưởng	Thành viên	Kỹ sư	Làm việc từ năm 1996	- Phó phòng Kinh tế - Trưởng phòng Kinh tế	Chịu trách nhiệm về các hoạt động nghiệp vụ tài chính, kế toán, thống kê của Công ty theo Điều lệ tổ chức hoạt động, quy chế quản lý tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty. Thực hiện nhiệm vụ quản lý các hoạt động nghiệp vụ phát sinh về kinh tế, vốn, tài sản..				

									chính, quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty. Thực hiện nhiệm vụ quản lý các hoạt động nghiệp vụ phát sinh về kinh tế, vốn, tài sản..
II. GD									
1	Dương Văn Thắng	1970	Giám đốc	Chủ tịch	Thạc sỹ lâm nghiệp	Làm việc từ năm 1988	- Trưởng phòng KHCĐSX	Chủ trì tổ chức các cuộc họp HĐQT; trực tiếp quản lý, chỉ đạo và chịu trách nhiệm điều hành các lĩnh vực về tổ chức nhân sự, quản lý kinh tế, kế hoạch, quốc phòng an ninh, là chủ tịch hội đồng thi đua khen thưởng công ty	
III. PGĐ									
1	Lương Văn Tuyên	1981	Phó Giám đốc	Thành viên	Kỹ sư	Làm việc từ năm 2004	- Trưởng phòng KHCĐSX	Chịu trách nhiệm trực tiếp điều hành, quản lý, chỉ đạo hoạt động của Công ty trên các lĩnh vực: Quản lý, bảo vệ	

										<p>và phát triển rừng; quản lý đất đai, lĩnh vực kỹ thuật trong hoạt động sản xuất kinh doanh và dự án; được giám đốc ủy quyền giải quyết công việc liên quan</p>
										<p>Chịu trách nhiệm về các hoạt động nghiệp vụ tài chính, kế toán, thống kê của Công ty theo Điều lệ tổ chức hoạt động, quy chế quản lý tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty. Thực hiện nhiệm vụ quản lý các hoạt động nghiệp vụ phát sinh về kinh tế, vốn, tài sản..</p>
IV. Kế toán trưởng										
1	Võ Văn Tiến	1970	Kế toán trưởng	Thành viên	Kỹ sư	Làm việc từ năm 1996	- Phó phòng Kinh tế - Trưởng phòng Kinh tế			

2. Kiểm soát viên: Ông Nguyễn Viết Đức, chuyên viên Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Tĩnh được bổ nhiệm làm kiểm soát viên kiêm nhiệm Công ty từ tháng 11/2017.

3. Thù lao và lợi ích của Hội đồng thành viên Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng

- Tiền lương của Hội đồng thành viên, kế toán trưởng được tính theo hệ số lương của UBND tỉnh quyết định.
- Kiểm soát viên chỉ nhận phụ cấp thù lao hàng tháng theo quy định.

4. Các chính sách bảo đảm trách nhiệm của đội ngũ quản lý

5. Về quản lý rủi ro

II. CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

BIỂU SỐ 2

CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

(Tóm tắt các quyết định quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
1	377/TCLĐ	28/5/1993	Thành lập doanh nghiệp Nhà nước
2	1197/QĐ-UBND	10/05/2006	Về việc phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới làm trường quốc doanh đối với Lâm trường Chúc A
3	545/QĐ-UBND	03/3/2008	Về việc thực hiện chuyển đổi Công ty Lâm nghiệp và Dịch vụ Chúc A thành Công ty TNHH một thành viên
4	3989/QĐ-UBND	27/12/2012	Về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu DNNN Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp và Dịch vụ Chúc A giai đoạn 2012-2015, định hướng đến 2020
5	1913/QĐ-UBND	12/7/2016	Về việc Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh

			doanh của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp và Dịch vụ Chúc A
6	3474/QĐ-UBND	01/12/2016	Về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp và Dịch vụ Chúc A

III. Hoạt động của Hội đồng thành viên:

1. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên:

BIỂU SỐ 2: THỐNG KÊ CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Số buổi họp không tham dự	Lý do không tham dự	Tỷ lệ
1	Dương Văn Thắng	Chủ tịch	6	0		100%
2	Lương Văn Tuyên	Thành viên	6	0		100%
3	Võ Văn Tiến	Thành viên	6	0		100%

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc:

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng thành viên.

4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng thành viên:

BIỂU SỐ 3: THỐNG KÊ CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐTV	25/01/2018	Về việc phân công nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý điều hành Công ty
2	02/NQ-HĐTV	25/01/2018	Về phương hướng, nhiệm vụ triển khai kế hoạch SXKD, QL-BVR năm 2018, một số nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới
3	03/NQ-HĐTV	20/3/2018	Về việc tập trung các biện pháp trọng tâm, cấp bách trong BVR-PCCCR

III. Hoạt động Kiểm soát viên của doanh nghiệp:

1. Hoạt động giám sát của Kiểm soát viên: Sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm tại 3419/QĐ-UBND ngày 22/11/2017; kiểm soát viên kiêm nhiệm của Công ty đã hoàn thành tham mưu xây dựng, trình các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Nội vụ, Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt Quy chế hoạt động của kiểm soát viên tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp và Dịch vụ Chúc A tại Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 13/2/2018; xây dựng, trình UBND tỉnh chấp thuận Chương trình, kế hoạch công tác năm 2018 tại Văn bản số 1917/UBND-KT ngày 12/4/2018. Kiểm soát viên kiêm nhiệm của công ty đã thực hiện các hoạt động giám sát đảm bảo đúng theo nội dung Quy chế làm việc và chương trình, kế hoạch công tác năm đã được UBND tỉnh phê duyệt.

2. Các báo cáo của Kiểm soát viên: Trong năm, kiểm soát viên kiêm nhiệm tại công ty đã tuân thủ, thực hiện đảm bảo chế độ thông tin, báo cáo hàng quý theo Quy chế hoạt động, Chương trình, kế hoạch công tác năm 2018 được UBND tỉnh phê duyệt, ban hành tại Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 13/2/2018 và Văn bản số 1917/UBND-KT ngày 12/4/2018.

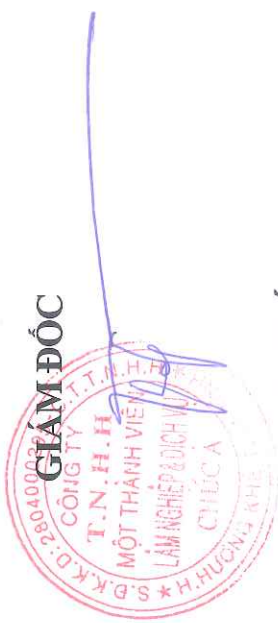
BIỂU SỐ 4: THỐNG KÊ CÁC BÁO CÁO CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

STT	Số Báo cáo	Ngày	Nội dung
1	40/BC-KSV	Ngày 17/4/2018	Báo cáo kết quả thực hiện quy chế, chương trình trình làm việc Quý I; Nhiệm vụ, giải pháp Quý II
2	95/BC-KSV	Ngày 16/7/2018	Báo cáo kết quả thực hiện quy chế, chương trình trình làm việc Quý II; Nhiệm vụ, giải pháp Quý III
3	122/BC-KSV	Ngày 16/10/2018	Báo cáo kết quả thực hiện quy chế, chương trình trình làm việc Quý III; Nhiệm vụ, giải pháp Quý IV
4	165a/BC-KSV	Ngày 17/12/2018	Báo cáo kết quả thực hiện quy chế, chương trình trình làm việc Quý IV; Kế hoạch, nhiệm vụ năm quý I/2019 và cả năm 2019

Trên đây là báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp năm 2018. Kính trình UBND tỉnh Hà Tĩnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, giúp đỡ để doanh nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC, VT. *ll*



Dương Văn Thắng

PHỤ LỤC V
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT
KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015
của Chính phủ)

CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP & DV CHỨC A
MST: 3000106650

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 78 /BC-CHUCA

Chức A, ngày 01 tháng 7 năm 2018

Năm báo cáo: Năm 2018

1. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước

a) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước: Trong năm 2015, 2016, 2017, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực bảo vệ rừng, thực hiện nhiệm vụ công ích nên doanh thu, lợi nhuận trước thuế, nộp ngân sách không đạt nhưng bảo toàn được vốn nhà nước, nộp ngân sách đầy đủ, đảm bảo được các chế độ, quyền lợi cho người lao động.

b) Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước: Công ty thực hiện các dự án đầu tư phát triển rừng đúng tiến độ, hàng năm được Sở nông nghiệp và PTNT nghiệm thu hoàn thành.

c) Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới,...): Trong năm 2015, 2016, 2017 Công ty không có sự thay đổi lớn, nhiệm vụ chủ yếu vẫn là bảo vệ rừng.

d) Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: Công ty đóng trên địa bàn điều kiện khó khăn, vùng sâu vùng xa, không có lợi thế để phát triển thương mại, nguồn vốn sản xuất kinh doanh thiếu.

đ) Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu,...).

BIỂU SỐ 1

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA
DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Ước thực hiện năm 2018
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất					

a)	Gỗ(cây đứng)	M3				
b)						
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	0,058	0,031	0,086	300
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,011	0,015	0,020	0,050
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	0,015	0,017	0,026	0,100
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD				
6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)	Tỷ đồng	3,857	2,873	4,133	4,000
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng				
a)	- Nguồn ngân sách	“	3,857	2,873	4,133	4,000
b)	- Vốn vay	“	0,400		0,300	
c)	- Vốn khác	“				
8	Tổng lao động	Người	37	36	35	35
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	3,008	1,964	1,758	1,800
a)	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	0,693	0,517	330	0,350
b)	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	2,315	1,447	1428	1,450

Trên đây là báo cáo về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh hàng năm và 03 năm gần nhất. Kính trình UBND tỉnh Hà Tĩnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, giúp đỡ để doanh nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC, VT.



Dương Văn Thắng

PHỤ LỤC VI
BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH VÀ TRÁCH
NHIỆM XÃ HỘI (NEU CÓ) NĂM 2017
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015
của Chính phủ)

CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP & DV CHÚC A
MST: 3000106650

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 79 /BC-CHUCA

Chúc A, ngày 01 tháng 7 năm 2018

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

BIỂU MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ so với KH	Tỷ lệ so với cùng kỳ năm trước
1	Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm	14.674ha	14.674ha	100%	100%
2	Khối lượng, sản lượng sản phẩm, dịch vụ công ích bị lỗi, không đạt yêu cầu	(Tấn, kg)	(Tấn, kg) % %
3	Số lượng ý kiến phản hồi về chất lượng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp không đạt yêu cầu	<i>(Thống kê số lượng các ý kiến phản hồi của các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích của doanh nghiệp)</i>			
4	Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm	4.133 tr.đ	4.133 tr.đ	100 %	100 %
5	Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm	4.133tr.đ	4.133 tr.đ	100 %	100 %

II. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP

1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường. Công ty thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng, cung ứng dịch vụ môi trường rừng, bảo vệ môi trường.

2. Trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng xã hội. Tạo điều kiện cho nhân dân trên địa bàn phát triển kinh tế trồng rừng, giao khoán rừng và đất lâm nghiệp, tạo việc làm cho người lao động. Nhằm tạo mối quan tốt giữa Công ty và nhân dân, cùng nhau phối hợp, hỗ trợ để bảo vệ và phát triển rừng.

3. Thực hiện tốt trách nhiệm với nhà cung cấp.

4. Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng.

5. Quan hệ tốt với người lao động. Hàng năm ký Thỏa ước lao động tập thể, bảo đảm quyền lợi, chế độ đầy đủ cho người lao động: Lương, thưởng, đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN, chế độ ốm đau, thai sản...

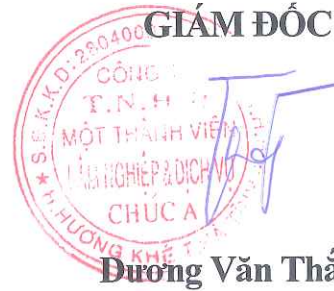
Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích năm 2017. Kính trình UBND tỉnh Hà Tĩnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, giúp đỡ để doanh nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu TC, VT.

lho



Đương Văn Thắng

PHỤ LỤC X
BÁO CÁO CHẾ ĐỘ, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP
*(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015
của Chính phủ)*

**CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP & DV CHÚC A**
MST: 3000106650

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 80 /BC-CHUCA

Chúc A, ngày 07 tháng 7 năm 2018

1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp

a) Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao của doanh nghiệp

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng đối với người lao động: Trả lương theo thời gian và lương khoán.

+) Lương theo thời gian: Căn cứ vào bảng chấm công hàng tháng, mức độ hoàn thành công việc và hệ số lương theo quy chế trả lương hiện hành của Công ty.

+) Lương khoán: Căn cứ khối lượng sản phẩm hoàn thành, có biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc.

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp: Được tính theo Nghị định 51/NĐ-CP ngày 15/5/2013 của Chính phủ.

b) Quỹ tiền lương kế hoạch

- Quỹ tiền lương kế hoạch của lao động: Căn cứ kế hoạch của nhà nước giao, Công ty xây dựng dự toán quỹ tiền lương chi trả cho người lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý doanh nghiệp: Căn cứ theo Nghị định 51/NĐ-CP để chi trả.

c) Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao của doanh nghiệp

- Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động: Hàng năm trả hết tiền lương cho người lao động theo quy chế trả lương của Công ty, nếu còn thừa thì trả thêm lần nữa và trích một khoản để chi thưởng cho người lao động.

- Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp: Căn cứ nguồn thu từ dịch vụ công hàng năm để xây dựng quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, tỷ lệ phần trăm được hưởng.

2. Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của doanh nghiệp

BIỂU BÁO CÁO QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2017

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017		Năm 2018
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	HẠNG CÔNG TY ĐƯỢC XẾP		I	I	I
II	TIỀN LƯƠNG CỦA LAO ĐỘNG				
1	Lao động	Người	33	32	32
2	Mức tiền lương bình quân	1.000 đ/tháng	4.158	3.718	4.000
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	1.597	1.331	1.500
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Triệu đồng	90	97	100
5	Thu nhập bình quân	1.000 đ/tháng	4.158	3.718	4.000
III	TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP				
1	Số người quản lý doanh nghiệp	Người	3	3	3
2	Mức lương cơ bản bình quân	Triệu đồng/tháng	14	9,1	10
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	504	305	350
4	Mức tiền lương bình quân	Triệu đồng/tháng	14	9,1	10
5	Quỹ tiền thưởng		28	25	25
6	Tiền thưởng, thu nhập	Triệu đồng	28	25	25
7	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý	Triệu đồng/tháng	14	9,1	10

- Nhận xét, đánh giá về quỹ tiền lương, tiền thưởng: Công ty đang chủ yếu thực hiện nhiệm vụ công ích nên thu nhập còn thấp, quỹ tiền lương, tiền thưởng thấp.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích năm 2017. Kính trình UBND tỉnh Hà Tĩnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, giúp đỡ để doanh nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC, VT. *tb*



Dương Văn Thắng

PHỤ LỤC III
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CỦA DOANH NGHIỆP

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015
của Chính phủ)*

CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP & DV CHÚC A
MST: 3000106650

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 101 /KH-CHUCA

Chúc A, ngày 17 tháng 6 năm 2019

I. TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Những sự kiện quan trọng

a) Việc thành lập

- Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp và Dịch vụ Chúc A tiền thân là Lâm trường Chúc A được thành lập năm 1960.

- Được thành lập lại Doanh nghiệp nhà nước Lâm trường Chúc A thuộc Bộ Lâm nghiệp tại Quyết định số 377/TCLĐ ngày 28/5/1993.

- Được chuyển đổi thành Công ty Lâm nghiệp và Dịch vụ Chúc A thuộc UBND tỉnh Hà Tĩnh tại Quyết định số 1197/QĐ-UBND ngày 10/5/2006.

- Được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp và Dịch vụ Chúc A tại Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 03/3/2008.

b) Vốn điều lệ.

- Vốn điều lệ theo phê duyệt: 30.000.000.000 đồng

- Vốn chủ sở hữu hiện có: 10.706.667.119 đồng

c) Các sự kiện khác.

Quyết định số 1913/QĐ-UBND ngày 12/7/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc Phê duyệt Đề án Sắp xếp, đổi mới và Phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp và Dịch vụ Chúc A: *“Duy trì, củng cố, phát triển và tái cơ cấu công ty TNHH MTV nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích”*.

Quyết định số 3474/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp và Dịch vụ Chúc A;

2. Quá trình phát triển

a) Chức năng, nhiệm vụ của doanh nghiệp

- Chức năng
- + Quản lý, bảo vệ, xây dựng và phát triển rừng diện tích Nhà nước giao;
- + Sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;
- + Tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả diện tích được giao, cho thuê, bảo toàn phát triển vốn Chủ sở hữu.

- Nhiệm vụ

+ Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên diện tích 15.124,3 ha rừng và đất lâm nghiệp theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước

+ Thực hiện các biện pháp lâm sinh làm giàu rừng, trồng nâng cấp rừng phòng hộ, rừng tự nhiên sản xuất cung cấp nguyên liệu kinh doanh gỗ lớn cho chu kỳ kế tiếp.

+ Cung ứng dịch vụ môi trường rừng;

+ Xây dựng các công trình trong lâm nghiệp, phát triển KT-XH vùng rẻo cao gắn với quốc phòng an ninh.

b) Mục tiêu kinh doanh

- Doanh thu trung bình hàng năm phấn đấu đạt 12.000 triệu đồng, tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân 15 - 20%/năm từ 2016;

- Nộp ngân sách theo quy định của Nhà nước

- Lợi nhuận bình quân đạt 500 triệu đồng/năm;

- Tổng nguồn vốn chủ sở hữu đạt 16.000 triệu đồng;

- Thu nhập bình quân phấn đấu đạt 5-6 triệu đồng/người/tháng;

c) Ngành, nghề kinh doanh chính

- Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng trồng;

- Sản xuất kinh doanh giống cây trồng lâm - nông nghiệp;

- Khai thác, chế biến, kinh doanh lâm sản;

- Tư vấn quy hoạch, khảo sát, điều tra, thiết kế rừng và các công trình Lâm nghiệp;

- Đầu tư sản xuất, phát triển mô hình Nông lâm kết hợp với trang trại chăn nuôi;

- Kinh doanh dịch vụ các lĩnh vực được cơ quan thẩm quyền cho phép.

3. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của doanh nghiệp.

- Kiểm soát chặt chẽ, hạn chế tiến tới chấm dứt cơ bản tình trạng khai thác rừng trái phép, thực hiện có hiệu quả các biện pháp bảo vệ rừng. Nâng tỷ lệ độ che phủ rừng trên lâm phần được giao đạt 98,3%, chất lượng rừng được nâng lên,

đảm bảo khả năng phòng hộ, cung ứng dịch vụ môi trường rừng và khai thác bền vững sau năm 2020.

- Ngoài nhiệm vụ công ích, tổ chức sản xuất cung ứng sản phẩm dịch vụ, tổ chức sản xuất, kinh doanh tổng hợp theo hướng Nông lâm kết hợp, chăn nuôi. Hình thành vùng chuyên canh, sản xuất nông lâm nghiệp tập trung phục vụ cho công nghiệp chế biến theo chuỗi giá trị hàng hóa chủ lực của tỉnh.

b) Tóm tắt những nội dung chính về chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Trồng rừng;
- Trang trại chăn nuôi;
- Dịch vụ giống cây trồng lâm nghiệp;
- Khai thác gỗ gắn với chế biến lâm sản;
- Trồng cây dược liệu dưới tán rừng.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Mục tiêu tổng quát

Sắp xếp, đổi mới và phát triển Công ty theo hướng thay đổi cơ bản cơ cấu sản xuất, mô hình tăng trưởng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, phương thức quản lý, bảo vệ phát triển rừng và quản trị doanh nghiệp đảm bảo phát triển bền vững. Quản lý, bảo vệ, đầu tư xây dựng rừng trên diện tích được giao theo tiêu chuẩn FSC để cung cấp nguồn nguyên liệu gỗ lớn phục vụ công nghiệp chế biến và thị trường theo chuỗi giá trị hàng hóa; cung ứng dịch vụ môi trường rừng; nâng cao lợi nhuận, tích lũy, phát triển vốn, tạo việc làm, thu nhập lao động gắn với tái cơ cấu lĩnh vực lâm nghiệp và phát triển KT-XH địa phương, góp phần bảo vệ an ninh quốc phòng khu vực biên giới Việt - Lào.

2. Mục tiêu cụ thể

- Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên diện tích 15.124,3 ha rừng và đất lâm nghiệp theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước; cung ứng dịch vụ môi trường rừng. Kiểm soát chặt chẽ, hạn chế tiến tới chấm dứt cơ bản tình trạng khai thác rừng trái phép, thực hiện có hiệu quả các biện pháp bảo vệ rừng. Nâng tỷ lệ độ che phủ rừng trên lâm phần được giao đạt trên 98% vào năm 2020, chất lượng rừng được nâng lên, đảm bảo khả năng phòng hộ, cung ứng dịch vụ môi trường rừng và khai thác bền vững sau năm 2020.

- Ngoài nhiệm vụ công ích, tổ chức sản xuất cung ứng sản phẩm dịch vụ, tổ chức sản xuất, kinh doanh tổng hợp theo hướng Nông lâm kết hợp, chăn nuôi. Hình thành vùng chuyên canh, sản xuất nông lâm nghiệp tập trung phục vụ cho công nghiệp chế biến theo chuỗi giá trị hàng hóa chủ lực của tỉnh.

- Doanh thu trung bình hàng năm phấn đấu đạt 12.000 triệu đồng, tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân 15 - 20%/năm từ 2016;

- Nộp ngân sách theo quy định của Nhà nước
- Lợi nhuận bình quân đạt 500 triệu đồng/năm;
- Tổng nguồn vốn chủ sở hữu đạt 16.000 triệu đồng;
- Thu nhập bình quân phần đầu đạt 5-6 triệu đồng/người/tháng;

3. Kế hoạch triển khai

- Vườn cây: Cây đặc sản Dó trầm 109,8 ha hiện đang khoán cho các hộ theo chương trình 327 và 661. Đầu tư công nghệ sinh học tạo Trầm để chưng cất tinh dầu theo phương thức khoán hộ, ăn chia sản phẩm theo hợp đồng đã ký kết.

- Rừng sản xuất là rừng trồng: Tiếp tục chăm sóc, bảo vệ theo đúng quy trình kỹ thuật, đối với diện tích khoán hộ thực hiện theo hợp khoán theo chu kỳ kinh doanh.

- Rừng sản xuất là rừng tự nhiên:

+ Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững đối với rừng tự nhiên có trữ lượng giàu và trung bình, nghèo 9.522,8 ha, quy hoạch kinh doanh gỗ lớn cho chu kỳ kế tiếp, đầu tư kinh phí nhằm quản lý, bảo vệ tốt, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh làm giàu rừng để hướng tới tham gia thị trường Carbon tự nguyện, tiến tới khai thác bền vững.

+ Rừng sản xuất là rừng tự nhiên nghèo kiệt: Rà soát những diện tích rừng kém chất lượng không phát triển thành rừng để lập đề án cải tạo trồng lại rừng gỗ lớn chất lượng cao hơn, kết hợp trang trại chăn nuôi 607,9 ha.

- Rừng phòng hộ: Thực hiện các biện pháp bảo vệ tốt diện tích hiện có, trồng bổ sung nâng cấp chất lượng rừng nhằm tăng độ che phủ, khả năng phòng hộ, tạo nguồn sinh thủy cung ứng dịch vụ môi trường cho lòng hồ thủy điện Hồ Hô.

4. Các giải pháp thực hiện

4.1. Giải pháp về đất đai

- Tiến hành rà soát lại toàn bộ diện tích đất và rừng được Nhà nước cho thuê và giao quản lý. Căn cứ đề án được phê duyệt, Công ty tiến hành lập phương án sử dụng đất trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Đối với diện tích đất bị xâm canh, chiếm dụng trái phép trên lâm phần quản lý, Công ty đã rà soát, khoanh vùng chi tiết các trường hợp cụ thể, tổ chức giao khoán bảo vệ, phát triển rừng cho tập thể, hộ cá nhân theo chương trình kế hoạch, hạn chế, tiến tới chấm dứt tình trạng xâm canh, chiếm dụng trái phép trên lâm phần Công ty quản lý.

- Phối hợp với các cơ quan ban ngành và chính quyền địa phương đo đạc, cắm mốc ranh giới toàn bộ diện tích và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4.2. Giải pháp về quản lý, sử dụng rừng

a) Rà soát quy hoạch 3 loại rừng

Trên cơ sở số liệu quy hoạch 3 loại rừng đã được UBND tỉnh phê duyệt, tiến hành rà soát lại ranh giới, mốc quản lý, thiết lập phân vùng giá trị chức năng sử dụng đúng mục đích, hiệu quả và ổn định lâu dài.

b) Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững tiến tới được cấp chứng chỉ rừng FSC đối với diện tích 9.522,8 ha

c) Quản lý, bảo vệ và phát triển diện tích rừng tự nhiên phòng hộ, sản xuất:

- Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên diện tích 15.124,3 ha rừng và đất lâm nghiệp. Thiết lập 4 trạm bảo vệ rừng tại các địa bàn xung yếu, duy trì đội cơ động, củng cố và nâng cao năng lực thực thi nhiệm vụ của lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động ra vào rừng; phát hiện, ngăn chặn kịp thời, hiệu quả các hành vi xâm hại rừng.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan kiểm lâm, chính quyền địa phương các xã Hương Lâm, Hương Vĩnh, Hương Xuân, Đồn Biên phòng Bản Giàng thực hiện tốt quy chế phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng trên địa bàn. Xử lý kịp thời triệt để các hành vi chặt phá rừng, khai thác lâm sản trái phép, chống người thi hành công vụ thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 1685/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Hạn chế, tiến tới chấm dứt nạn khai thác, xâm chiếm rừng trái phép trên địa bàn.

- Nguồn kinh phí bảo vệ rừng hàng năm được Nhà nước đảm bảo theo cơ chế chính sách tại quyết định 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Chính phủ về tăng cường quản lý khai thác gỗ rừng tự nhiên giai đoạn 2014-2020.

d) Giải pháp về phát triển rừng trồng là rừng sản xuất:

- Cải tạo trồng rừng gỗ lớn, khoanh nuôi có trồng dặm cây lâm nghiệp trồng bổ sung trên những diện tích rừng nghèo có diễn thế sinh thái đi xuống bằng các loài cây có giá trị cao như: Lim xanh, Cồng, Re, Giổi Trồng cây được liệu dưới tán rừng, trên những phần diện tích đất trống, bồi tụ ven suối...

- Đối với diện tích rừng trồng Keo, vườn cây đặc sản Dó Trâm: Công ty tiếp tục đầu tư nguồn kinh phí để quản lý bảo vệ tốt diện tích hiện có, áp dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh phù hợp để nâng cao năng suất, chất lượng rừng. Đầu tư công nghệ sinh học tạo trâm, khai thác, chế biến, chưng cất tinh dầu một cách hiệu quả và bền vững nhằm đảm bảo lợi ích hài hòa giữa hộ nhận khoán và Công ty, tạo thêm việc làm, thu nhập cho người lao động.

4.3. Giải pháp về đầu tư sản xuất các ngành nghề khác

Để tận dụng hiệu quả tài nguyên rừng, ngoài các ngành nghề truyền thống Công ty kết hợp mở ra các mô hình nông lâm kết hợp như: Trang trại chăn nuôi, khai thác chế biến lâm sản phi gỗ, được liệu dưới tán rừng. Hàng năm Công ty

xây dựng kế hoạch, phương án sản xuất để tăng thu nhập và giải quyết việc làm cho lao động, như sau:

a) Trồng rừng:

Lập phương án cải tạo rừng tự nhiên nghèo kiệt trồng rừng trồng rừng gỗ lớn, dự kiến diện tích 500 ha, bình quân mỗi năm 100 ha, giai đoạn 2015- 2020, loài cây trồng chủ yếu là Dó trầm, Lim xanh, re hương, Giổi, Còng trắng, Keo và các loài cây tăng trưởng nhanh có giá trị cao. Mức đầu tư mỗi năm 4.136 triệu đồng/100 ha bắt đầu từ năm 2016.

b) Trang trại chăn nuôi:

Rà soát diện tích 107,9 ha đất trống, rừng nghèo kiệt tại tiểu khu 241B xây dựng đề án chăn nuôi bò, vùng trồng cỏ theo hình thức liên kết với các doanh nghiệp chăn nuôi trong và ngoài tỉnh, quy mô nuôi 300 con bò thịt, mức đầu tư 15.000 triệu đồng, trong đó đơn vị liên kết góp vốn 10.000 triệu đồng, vốn Công ty góp 5.000 triệu đồng, thực hiện từ năm 2016, tạo việc làm cho 20 lao động, lợi nhuận dự kiến 200 triệu đồng.

c) Dịch vụ giống cây trồng lâm nghiệp:

Năm 2019, đầu tư xây dựng 01 vườn ươm giống công nghệ cao với quy mô 3 - 4 ha, hàng năm cung cấp 01 triệu cây giống phục vụ trồng rừng, dự kiến vốn đầu tư 2.000 triệu đồng; tạo việc làm cho 10 lao động, lợi nhuận mỗi năm 150 triệu đồng từ 2019.

Ngoài ra, Công ty còn cung cấp dịch vụ phân bón, chuyển giao khoa học công nghệ nông - lâm nghiệp cho người dân trên địa bàn.

d) Khai thác gỗ gắn với chế biến lâm sản:

- Khai thác gỗ: Trong giai đoạn 2015-2020 công ty tổ chức quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng đang được Nhà nước giao quản lý. Khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh rừng để cung cấp nguồn nguyên liệu gỗ lớn, cung ứng dịch vụ môi trường rừng, quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC. Thực hiện khai thác gỗ rừng tự nhiên từ năm 2021.

- Chế biến lâm sản:

+ Cũng cố lại xưởng chế biến hiện có;

e) Trồng cây dược liệu dưới tán rừng:

Sử dụng diện tích đất chưa có rừng, đất bồi tụ ven suối, diện tích rừng nghèo kiệt để triển khai trồng các loài cây dược liệu, cây đặc sản như: Dó trầm, gừng, gấc v.v. giải quyết việc làm cho lao động thời vụ (người dân sống ven rừng).

4.4. Giải pháp về tài chính, đầu tư, tín dụng

Căn cứ nhu cầu, dự toán đầu tư các hạng mục xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển rừng sản xuất, trên cơ sở định mức kinh tế, kỹ thuật của Nhà nước, công ty xác định nhu cầu vốn cho cả giai đoạn như sau:

a) Vốn điều lệ:

- Vốn điều lệ hiện có 10.667 triệu đồng,

- Vốn điều lệ đề nghị bổ sung 4.500 triệu đồng (50% nhu cầu đầu tư).

b) Vốn từ ngân sách Nhà nước để đầu tư cơ sở hạ tầng, bảo vệ rừng phòng hộ, giai đoạn 2015 -2020: tổng 6.915 triệu đồng, bao gồm:

- Xây nhà trạm bảo vệ rừng: 1.500 triệu đồng;

- Làm chòi canh: 80 triệu đồng

- Trồng bổ sung rừng phòng hộ: 3.000 triệu đồng

- Khoanh nuôi XTTS có trồng dặm cây lâm nghiệp: 450 triệu đồng

- Sửa chữa đường tuần tra lâm nghiệp, phát triển rừng: 600 triệu đồng.

- Nâng cấp, sửa chữa trạm bảo vệ rừng: 300 triệu đồng.

- Mua sắm thiết bị chữa cháy rừng: 150 triệu đồng.

- Sửa chữa trụ sở làm việc: 500 triệu đồng.

- Làm đường băng cản lửa: 210 triệu đồng

- Làm bảng biển PCCCR: 125 triệu đồng.

c) Giao kế hoạch và đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng tự nhiên phòng hộ, sản xuất 2015-2020.

d) Kinh phí bảo vệ rừng 1.500 triệu đồng từ nguồn thu phí DVMTR hàng năm.

e) Đầu tư cho sản xuất kinh doanh:

- Cải tạo trồng rừng gỗ lớn chất lượng cao, tổng 500 ha, vốn 20.680 triệu đồng, bình quân mỗi năm 100 ha x 41,360 triệu đồng/ha = 4.136 triệu đồng; đơn vị lập hồ sơ dự án huy động các nguồn vốn hợp pháp, liên doanh, liên kết để trồng;

- Trang trại chăn nuôi bò dự kiến nguồn đầu tư 15.000 triệu đồng trong đó nguồn vốn liên doanh 10.000 triệu đồng; nguồn vốn vay của đơn vị 2.500 triệu đồng; nguồn vốn bổ sung vốn điều lệ 2.500 triệu đồng;

- Xưởng chế biến mộc gia dụng dự kiến đầu tư 3.000 triệu đồng; trong đó vốn liên doanh liên kết 2.000 triệu đồng; nguồn vốn vay của đơn vị 500 triệu đồng; nguồn vốn bổ sung vốn điều lệ 500 triệu đồng. Năm 2018 xây dựng lò chung cất dầu trầm tổng đầu tư 1.000 triệu đồng; nguồn vốn vay của đơn vị 500 triệu đồng; nguồn vốn bổ sung vốn điều lệ 500 triệu đồng;

- Xây dựng vườn ươm giống cây lâm nghiệp quy mô đầu tư 2.000 triệu đồng trong đó: nguồn vốn vay của đơn vị 1.000 triệu đồng; nguồn vốn bổ sung vốn điều lệ 1.000 triệu đồng;

f) Nguồn vốn đầu tư cho khoa học công nghệ: 5.900 triệu đồng; trong đó nguồn hỗ trợ từ ngân sách trung ương 2.000 triệu đồng; nguồn vốn liên doanh liên kết 2.100 triệu đồng, huy động từ nguồn vốn hợp pháp khác 1.800 triệu đồng;

Đối với nguồn đầu tư các năm tiếp theo thực hiện theo kế hoạch của đề án.

4.5. Giải pháp về lao động

a) Cơ cấu tổ chức và lao động:

Sau khi đề án được phê duyệt, Công ty tiến hành rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy đảm bảo tinh gọn, giảm tối đa lao động gián tiếp, tăng tỷ lệ lao động trực tiếp, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng hiệu quả và quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng và đất lâm nghiệp được giao, như sau:

b) Tổng số lao động tiếp tục sử dụng 36 người, trong đó lao động gián tiếp là 09 người chiếm 25%, trực tiếp là 27 người chiếm 75%, được sắp xếp như sau:

- Bộ máy quản lý điều hành Công ty:

+ Hội đồng thành viên: 03 người (01 Chủ tịch HĐQT, 02 thành viên HĐQT)

+ 1 Kiểm soát viên: 01 người

+ Giám đốc, 01 Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.

- Các phòng chuyên môn nghiệp vụ: 6 người, cụ thể:

Giữ nguyên phòng Tổ chức, chuyển bộ phận kế hoạch vào phòng kinh tế đổi tên thành phòng Kinh tế - Kế hoạch. Sáp nhập phòng Xây dựng rừng vào phòng Quản lý bảo vệ rừng. Thành lập phòng Quản lý dự án sản xuất Công ty.

+ Phòng Tổ chức: 2 người.

+ Phòng Kinh tế - Kế hoạch: 2 người

+ Phòng Quản lý dự án: 2 người.

- Phòng Quản lý, bảo vệ rừng: 20 người, trong đó được bố trí:

+ Bộ phận phòng: 2 người

+ Trạm bảo vệ rừng Mục Bài: 4 người

+ Trạm Bảo vệ rừng Sơn Giang: 5 người

+ Trạm bảo vệ rừng Ka Rờ: 5 người

+ Trạm bảo vệ rừng Khe Mây: 4 người

- Các đơn vị sản xuất trực thuộc 14 người, bố trí như sau:

+ Đội Thiết kế và trồng rừng: 4 người;

+ Đội dịch vụ và SX Nông - Lâm : 3 người

- Căn cứ nhu cầu tiến độ kế hoạch sản xuất, kinh doanh, lập kế hoạch sử dụng lao động theo nhu cầu công việc, tuyển dụng lao động trình độ, chất lượng, đối với công việc trực tiếp ưu tiên sử dụng lao động của địa phương vào làm việc tại công ty.

c) Về chính sách lao động:

- Xây dựng phương án sử dụng lao động phù hợp, rà soát sắp xếp lại các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc, thực hiện chính sách, chế độ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đối với cán bộ, công nhân và người lao động;

- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý, nâng cao tay nghề cho người lao động nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sau sắp xếp chuyển đổi. Thực hiện cơ chế giao khoán phù hợp nhằm gắn trách nhiệm của người lao động nhận khoán góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực hiện có, đào tạo mới, đào tạo lại và tuyển dụng lại nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Công ty; Xây dựng quy chế trả lương, phụ cấp ưu đãi đảm bảo thu hút lao động đã qua đào tạo đến làm việc tại Công ty. Có chính sách đào tạo đội ngũ kế cận, thu hút giữ chân người tài phục vụ cho mục đích phát triển Công ty.

- Ngoài ra chú trọng sử dụng lao động hợp đồng thời vụ của địa phương trực tiếp tham gia vào sản xuất, chăn nuôi, trồng rừng, vườn ươm, khoán hộ bảo vệ rừng.....

4.6. Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, chú trọng ứng dụng công nghệ sinh học trong công tác giống; công nghệ chế biến sâu, các sản phẩm có nguồn gốc từ nguyên liệu rừng trồng, gỗ nhỏ và phi gỗ;

- Nghiên cứu để quản lý và phát triển các cây lâm sản ngoài gỗ mà người dân thường sử dụng cho sinh kế, các loại cây dược liệu quý.

- Nghiên cứu xây dựng giải pháp công nghệ GIS phục vụ theo dõi, giám sát tài nguyên và môi trường rừng để triển khai các hoạt động quản lý, bảo vệ rừng bền vững một cách hiệu quả.

- Đầu tư các giải pháp công nghệ để tạo ra các giống có năng suất cao, thu thập và khảo nghiệm để xây dựng tập đoàn cây chủ lực trong trồng rừng kinh tế, có đặc tính phù hợp với sản xuất chế biến, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

11/5/11

- Chuyển giao nhanh các tiến bộ khoa học vào sản xuất, thực hiện công tác khuyến lâm giúp nhân dân trong vùng phát triển sản xuất lâm nghiệp theo hướng bền vững.

4.7. Giải pháp về chế biến

Từ năm 2016, đơn vị chủ động và bằng hình thức liên kết với các doanh nghiệp đầu tư xây dựng 01 dây chuyền sản xuất đồ mộc dân dụng, chế biến sâu các mặt hàng có giá trị cao phục vụ cho tiêu dùng trong tỉnh và hướng tới xuất khẩu; Đầu tư xây dựng lò chưng cất tinh dầu trầm, dịch vụ bao tiêu sản phẩm trầm hương cho người dân trong vùng. Tổng dự kiến mức đầu tư chế biến 3.000 triệu đồng.

4.8. Giải pháp về thị trường

- Rà soát, xây dựng, củng cố thương hiệu các loại sản phẩm của Công ty. Xây dựng lộ trình thương hiệu sản phẩm mộc, trầm hương, dược liệu thiên nhiên v.v. tiêu thụ trong nước hướng tới xuất khẩu.

- Đối với sản phẩm chăn nuôi, đơn vị liên kết bao tiêu sản phẩm đầu ra.

- Về cây giống đảm bảo chất lượng để phục vụ kế hoạch trồng rừng của Công ty và cung ứng nhu cầu trên địa bàn tỉnh và vùng lân cận.

- Xây dựng thương hiệu liên kết các doanh nghiệp xuất khẩu để bao tiêu sản phẩm của Công ty sau chế biến .

- Hoàn thiện tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững FSC, chuỗi hành trình sản phẩm, phấn đấu toàn bộ sản phẩm của Công ty được cấp chứng nhận thân thiện môi trường bao gồm sản phẩm gỗ và phi gỗ.

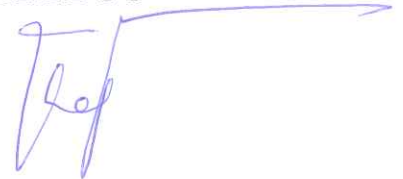
Trên đây là kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp. Kính trình UBND tỉnh Hà Tĩnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, giúp đỡ để doanh nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu TC, VT. *vt*

GIÁM ĐỐC



Dương Văn Thắng

PHỤ LỤC IV
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM
2017

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015
của Chính phủ)*

CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP & DV CHỨC A
MST: 3000106650

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 77 /KH-CHUCA

Chức A, ngày 01 tháng 7 năm 2018

*(Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2017 đã được Hội đồng
thành viên phê duyệt tại Văn bản số 03/HĐTV-CHUCA ngày 10 tháng 01 năm
2017)*

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM TRƯỚC

Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm trước:

Sau khi sắp xếp theo Nghị định 118/NĐ-CP của Chính phủ thì đơn vị chủ yếu thực hiện nhiệm vụ công ích, bảo vệ và phát triển rừng trên toàn bộ diện tích 15.118,3 ha được giao. Việc sản xuất kinh doanh chưa thực hiện được nên các chỉ tiêu về Doanh thu, lợi nhuận không đạt so với kế hoạch. Bảo toàn vốn nhà nước, nộp ngân sách đầy đủ, đảm bảo các chế độ cho người lao động.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2018

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính: Công ty thực hiện nhiệm vụ chủ yếu là bảo vệ và phát triển rừng theo kế hoạch nhà nước giao, bảo vệ 15.118,3ha rừng.

- Kế hoạch và kết quả sản xuất kinh doanh cả năm: Công ty chủ yếu thực hiện nhiệm vụ công ích, bảo vệ và phát triển rừng trên toàn bộ diện tích 15.118,3ha được giao. Việc sản xuất kinh doanh chưa thực hiện được nên các chỉ tiêu về Doanh thu, lợi nhuận không đạt so với kế hoạch. Bảo toàn vốn nhà nước, nộp ngân sách đầy đủ, đảm bảo các chế độ cho người lao động.

.- Kế hoạch phát triển thị trường và sản phẩm

2. Kế hoạch đầu tư phát triển

- Kế hoạch đầu tư các dự án cả năm: Hoàn thành dự án phát triển rừng bền vững năm 2017

- Kết quả đầu tư cả năm (dự kiến): 4.133.000.000đ

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Các giải pháp thực hiện

1. Giải pháp về tài chính: Nguồn vốn chủ yếu theo ngân sách nhà nước giao.

2. Giải pháp về sản xuất.

3. Giải pháp về marketing.

4. Giải pháp về nguồn nhân lực.

- Xây dựng phương án sử dụng lao động phù hợp, rà soát sắp xếp lại các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc, thực hiện chính sách, chế độ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đối với cán bộ, công nhân và người lao động;

- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý, nâng cao tay nghề cho người lao động nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sau sắp xếp chuyển đổi. Thực hiện cơ chế giao khoán phù hợp nhằm gắn trách nhiệm của người lao động nhận khoán góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực hiện có, đào tạo mới, đào tạo lại và tuyển dụng lại nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Công ty; Xây dựng quy chế trả lương, phụ cấp ưu đãi đảm bảo thu hút lao động đã qua đào tạo đến làm việc tại Công ty. Có chính sách đào tạo đội ngũ kế cận, thu hút giữ chân người tài phục vụ cho mục đích phát triển Công ty.

- Ngoài ra chú trọng sử dụng lao động hợp đồng thời vụ của địa phương trực tiếp tham gia vào sản xuất, chăn nuôi, trồng rừng, vườn ươm, khoán hộ bảo vệ rừng.....

5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật.

6. Giải pháp về quản lý và điều hành.

7. Giải pháp khác.

BIỂU CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2017

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu		
	- Sản lượng 1	Ha	15.118,3
	- Sản lượng 2		
		
2	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có)	Tỷ đồng	4,133
3	Doanh thu	Tỷ đồng	1,000
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,050

5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	0,100
6	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	
7	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1.000 USD	
8	Các chỉ tiêu khác		

Trên đây là kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2017 của doanh nghiệp. Kính trình UBND tỉnh Hà Tĩnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, giúp đỡ để doanh nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC, VT.



Đương Văn Thắng

PHỤ LỤC VIII
BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2017
(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

CÔNG TY TNHH MTV
LÂM NGHIỆP&DV CHỨC A
MST: 3000106650

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8/ /BC-CHUCA

Chức A, ngày 8 tháng 7 năm 2018

I. THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP

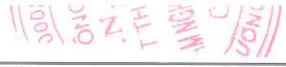
1. Hội đồng thành viên

BIỂU SỐ 1

THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh		Phân loại thành viên	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm nghề nghiệp	Các vị trí đã nắm giữ	Công việc quản lý được giao
			Chức danh tại doanh nghiệp	Chức danh tại công ty khác (nếu có)					
I. HĐQT									
1	Dương Văn Thắng	1970	Giám đốc		Chủ tịch	Thạc sỹ lâm nghiệp	Làm việc từ năm 1988	- Phó phòng KHCĐSX - Trưởng phòng KHCĐSX	Chủ trì tổ chức các cuộc họp HĐQT; trực tiếp quản lý, chỉ đạo và chịu trách nhiệm điều hành các lĩnh vực về tổ

								<p>chức nhân sự, quản lý kinh tế, kế hoạch, quốc phòng an ninh, là chủ tịch hội đồng thi đua khen thưởng công ty</p>
2	Lương Văn Tuyên	1981	Phó Giám đốc	Thành viên	Kỹ sư	Làm việc từ năm 2004	<p>- Trưởng phòng KHCĐSX</p>	<p>Chịu trách nhiệm trực tiếp điều hành, quản lý, chỉ đạo hoạt động của Công ty trên các lĩnh vực: Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; quản lý đất đai, lĩnh vực kỹ thuật trong hoạt động sản xuất kinh doanh và dự án; được giám đốc ủy quyền giải quyết công việc liên quan</p>
3	Võ Văn Tiến	1970	Kế toán trưởng	Thành viên	Kỹ sư	Làm việc từ năm 1996	<p>- Phó phòng Kinh tế - Trưởng phòng Kinh tế</p>	<p>Chịu trách nhiệm về các hoạt động nghiệp vụ tài chính, kế toán, thống kê của Công ty theo Điều lệ tổ chức hoạt động, quy chế quản lý tài</p>



									chính, quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty. Thực hiện nhiệm vụ quản lý các hoạt động nghiệp vụ phát sinh về kinh tế, vốn, tài sản...
II. GD									
1	Dương Văn Thắng	1970	Giám đốc	Chủ tịch	Thạc sỹ lâm nghiệp	Làm việc từ năm 1988	- Trưởng phòng KHCĐSX	Chủ trì tổ chức các cuộc họp HĐQT; trực tiếp quản lý, chỉ đạo và chịu trách nhiệm điều hành các lĩnh vực về tổ chức nhân sự, quản lý kinh tế, kế hoạch, quốc phòng an ninh, là chủ tịch hội đồng thi đua khen thưởng công ty	
III. PGĐ									
1	Lương Văn Tuyên	1981	Phó Giám đốc	Thành viên	Kỹ sư	Làm việc từ năm 2004	- Trưởng phòng KHCĐSX	Chịu trách nhiệm trực tiếp điều hành, quản lý, chỉ đạo hoạt động của Công ty trên các lĩnh vực: Quản lý, bảo vệ	

IV. Kế toán trưởng									<p>và phát triển rừng; quản lý đất đai, lĩnh vực kỹ thuật trong hoạt động sản xuất kinh doanh và dự án; được giám đốc ủy quyền giải quyết công việc liên quan</p>
1	Võ Văn Tiến	1970	Kế toán trưởng	Thành viên	Kỹ sư	Làm việc từ năm 1996	<p>- Phó phòng Kinh tế - Trưởng phòng Kinh tế</p>	<p>Chịu trách nhiệm về các hoạt động nghiệp vụ tài chính, kế toán, thống kê của Công ty theo Điều lệ tổ chức hoạt động, quy chế quản lý tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty. Thực hiện nhiệm vụ quản lý các hoạt động nghiệp vụ phát sinh về kinh tế, vốn, tài sản...</p>	

2. Kiểm soát viên: Tháng 11/2017, Ông Nguyễn Viết Đức, chuyên viên Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Tĩnh được bổ nhiệm làm kiểm soát viên Công ty.

3. Thù lao và lợi ích của Hội đồng thành viên Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng

Tiền lương của Hội đồng thành viên, kế toán trưởng được tính theo hệ số lương của UBND tỉnh quyết định, kiểm soát viên chỉ nhận được tiền thù lao hàng tháng không quá 20% tổng lương của UV Hội đồng thành viên.

4. Các chính sách bảo đảm trách nhiệm của đội ngũ quản lý

5. Về quản lý rủi ro

II. CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

BIỂU SỐ 2

CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

(Tóm tắt các quyết định quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)

STT	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
1	377/TCLĐ	28/5/1993	Thành lập doanh nghiệp Nhà nước
2	1197/QĐ-UBND	10/05/2006	Về việc phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới làm trường quốc doanh đối với Lâm trường Chúc A
3	545/QĐ-UBND	03/3/2008	Về việc thực hiện chuyển đổi Công ty Lâm nghiệp và Dịch vụ Chúc A thành Công ty TNHH một thành viên
4	3989/QĐ-UBND	27/12/2012	Về việc phê duyệt đề án tái cơ cấu DNNN Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp và Dịch vụ Chúc A giai đoạn 2012-2015, định hướng đến 2020
5	1913/QĐ-UBND	12/7/2016	Về việc Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh

			doanh của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp và Dịch vụ Chúc A
6	3474/QĐ-UBND	01/12/2016	Về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn thành viên Lâm nghiệp và Dịch vụ Chúc A

III. Hoạt động của Hội đồng thành viên:

1. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên:

BIỂU SỐ 2: THỐNG KÊ CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Số buổi họp không tham dự	Lý do không tham dự	Tỷ lệ
1	Dương Văn Thắng	Chủ tịch	6	0		100%
2	Lương Văn Tuyên	Thành viên	6	0		100%
3	Võ Văn Tiến	Thành viên	6	0		100%

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc:

3. Hoạt động của các tiêu ban thuộc Hội đồng thành viên.
4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng thành viên:

BIỂU SỐ 3: THỐNG KÊ CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐTV	15/01/2017	Về việc phân công nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý điều hành Công ty
2	02/NQ-HĐTV	18/01/2017	Về phương hướng, nhiệm vụ triển khai kế hoạch SXKD, QL-BVR năm 2017, một số nhiệm vụ trọng tâm trước, trong và sau tết Nguyên đán
3	3/NQ-HĐTV	20/3/2017	Về việc tập trung các biện pháp trọng tâm, cấp bách trong BVR-PCCCR

III. Hoạt động Kiểm soát viên của doanh nghiệp:

1. Hoạt động giám sát của Kiểm soát viên: Sau có quyết định bổ nhiệm, Kiểm soát viên giám sát chặt chẽ các hoạt động của Công ty, tham gia các cuộc họp quan trọng.
2. Các báo cáo của Kiểm soát viên: Lập chương trình, kế hoạch làm việc tại Công ty trình cấp thẩm quyền phê duyệt, báo cáo quá trình thực hiện nhiệm vụ.

BIỂU SỐ 4: THỐNG KÊ CÁC BÁO CÁO CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

STT	Số Báo cáo	Ngày	Nội dung

Trên đây là báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp năm 2017. Kính trình UBND tỉnh Hà Tĩnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, giúp đỡ để doanh nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TC, VT.



Dương Văn Thắng